

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 105/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2024, về việc: *“Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng”*.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V*; Trụ sở: Số x L, phường L, quận Đ, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm THN KHDN và xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQ - HĐQT ngày 12/7/2023); Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Trung H và ông Trương Công T – Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 126/2024/UQ-VPB ngày 12/6/2024).

- *Bị đơn: Công ty cổ phần T*; Trụ sở: Số x H, phường C, quận Đ, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu T – Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T*, sinh năm: 1977; Nơi ĐKKHTT: TT Đ x A, phường Y, quận T, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 27/6/2022, Công ty CP T (gọi tắt là Công ty T) còn nợ Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng V) số tiền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số

270223-6798584-01-SME ngày 02/3/2023 và các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi, cụ thể:

- Tiền nợ gốc: 2.704.055.750 đồng;
- Tiền nợ lãi: 619.014.219 đồng;
- Tiền lãi phạt chậm trả: 19.271.741 đồng

Tổng cộng số tiền gốc + tiền lãi và tiền lãi phạt chậm trả là 3.342.341.710 đồng.

Nay các đương sự thỏa thuận việc trả nợ theo lộ trình sau:

Tổng số tiền 3.342.341.710 đồng (Trong đó tiền nợ gốc: 2.704.055.750 đồng; tiền nợ lãi: 619.014.219 đồng; tiền lãi phạt chậm trả: 19.271.741 đồng), Công ty T sẽ thanh toán trả Ngân hàng V trong thời hạn 04 tháng và được thanh toán trả 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Trước ngày 26/7/2024, Công ty T sẽ thanh toán tiền nợ gốc 50 triệu cho Ngân hàng V.
- Lần 2: Trước ngày 26/8/2024, Công ty T sẽ thanh toán tiền nợ gốc 200 triệu cho Ngân hàng V.
- Lần 3: Trước ngày 26/10/2024, Công ty T sẽ tất toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại 2.454.055.750 đồng + tiền lãi 565.006.489 đồng + tiền lãi chậm trả 17.418.020 đồng cho Ngân hàng V.

Bị đơn Công ty T còn phải chịu tiền lãi trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 28/6/2024 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, thì bên bảo lãnh bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong trường hợp Công ty T, bà Nguyễn Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng Công ty T, bà Nguyễn Thị Thu T để thu hồi khoản nợ vay.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty Cổ phần T về việc chịu cả tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 49.423.000 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền thu tạm ứng án phí 45.805.000 đồng theo biên lai số 0019497 ngày 24/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

Dương Thị Bạch Phượng